VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về thẻ kiểm tra thị trường

Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thẻ kiểm tra thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về Thẻ kiểm tra thị trường.[1]

---

[1] Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ kiểm tra thị trường (sau đây gọi là Thẻ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Quản lý thị trường các cấp, công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Thẻ

1. Thẻ được công chức Quản lý thị trường sử dụng để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong phạm vi quy định của Điều 12 và Điều 17 Pháp lệnh Quản lý thị trường theo địa bàn hoặc lĩnh vực được phân công.

2. Công chức Quản lý thị trường được cấp Thẻ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn Thẻ được cấp; không được tẩy, xóa, sửa chữa Thẻ; không được sử dụng Thẻ nhằm mục đích vụ lợi cá nhân hoặc đe dọa, gây cản trở hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trường hợp bị mất phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp.

3. Nghiêm cấm công chức Quản lý thị trường, các tổ chức, cá nhân có hành vi sản xuất, tàng trữ, mua, bán, làm giả, mượn, cho mượn, cầm cố, thế chấp, sử dụng trái phép Thẻ.

4. Công chức Quản lý thị trường không có Thẻ hoặc trong thời gian bị thu hồi hoặc bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ không được ban hành quyết định kiểm tra và thực hiện hoạt động kiểm tra thị trường.

5.[2] Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Quản lý thị trường) trực tiếp theo dõi, quản lý việc sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương thực hiện theo dõi, kiểm tra việc sử dụng Thẻ đối với công chức Quản lý thị trường trên cả nước.

6. Trường hợp từ thời điểm cấp Thẻ tới thời điểm công chức đủ tuổi nghỉ hưu theo chế độ không đủ 05 năm, Thẻ được cấp có thời hạn sử dụng tới ngày công chức nghỉ hưu theo chế độ.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

7.[3] ***(được bãi bỏ).***

8.[4] ***(được bãi bỏ).***

9. Kinh phí làm Thẻ do Nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Chương II
MẪU THẺ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẦN ĐẦU, CẤP LẠI, THU HỒI VÀ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ

Điều 4. Mẫu Thẻ

1.[5] Thẻ có hình chữ nhật bằng nhựa, chiều rộng 53,98mm, chiều dài 85,6mm, độ dày 0,76mm, bốn góc được cắt tròn với bán kính 3,18mm.

2. Mẫu Thẻ và mô tả Thẻ

a) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường: thực hiện theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường: thực hiện theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

3.[6] Con dấu cơ quan trên Thẻ được quy định như sau:

a) Đối với Thẻ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: hình ảnh chữ ký của người cấp Thẻ và hình ảnh con dấu của Bộ Công Thương;

b) Đối với Thẻ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: hình ảnh chữ ký của người cấp Thẻ và hình ảnh con dấu của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước...

---

[3] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu Thẻ

1. Cấp lần đầu Thẻ là việc công chức Quản lý thị trường lần đầu tiên được cấp Thẻ. Các trường hợp được cấp lần đầu Thẻ, tiêu chuẩn, điều kiện cấp lần đầu Thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lần đầu Thẻ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lần đầu Thẻ;

b) Danh sách đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c)[7] Phiếu công chức đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

d)[8] 02 (hai) ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm của công chức được đề nghị cấp Thẻ. Trong đó, công chức chụp ảnh mặc trang phục áo sơ mi dài tay, đội mũ kê-pi đối với nam và mũ mềm đối với nữ, đeo caravat, gắn đầy đủ biển hiệu, cấp hiệu Quản lý thị trường. Ảnh chụp trong thời gian không quá 01 năm tính đến thời điểm lập hồ sơ;

đ) 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm ngạch công chức chuyên ngành Quản lý thị trường và 01 (một) bản sao được chứng thực của Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương đối với công chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

e) 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm ngạch công chức hiện tại đối với công chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Thẻ xem xét, quyết định việc cấp Thẻ lần đầu. Trường hợp không cấp hoặc cần thiết phải kéo dài thời hạn xem xét cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thêm tối đa là 05 ngày làm việc.

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Thẻ

1. Các trường hợp được cấp lại Thẻ, điều kiện cấp lại Thẻ cho từng trường hợp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lại Thẻ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Thẻ;

b) Danh sách đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c)[9] Phiếu công chức đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) 02 (hai) ảnh màu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

đ) 01 (một) bản sao được chứng thực của Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương đối với trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

e) 01 (một) bản sao Thẻ cũ tại thời điểm đề nghị cấp lại đối với trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin ghi trên Thẻ hoặc do hết thời hạn sử dụng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

3.[10] Đối với trường hợp cấp lại Thẻ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, hồ sơ cấp lại Thẻ phải được gửi về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trước khi hết thời hạn sử dụng của Thẻ ít nhất là 30 ngày làm việc. Trường hợp cấp lại Thẻ quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, hồ sơ cấp lại Thẻ phải được gửi về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp cấp lại Thẻ.

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và báo cáo người có thẩm quyền cấp lại Thẻ để xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Thẻ xem xét, quyết định việc cấp lại Thẻ. Trường hợp

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

không cấp hoặc cần thiết phải kéo dài thời hạn xem xét cấp lại Thẻ thì người có thẩm quyền cấp lại Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thêm tối đa là 05 ngày làm việc.

5.[11] Công chức Quản lý thị trường nộp lại Thẻ cũ khi được cấp lại Thẻ mới, trừ trường hợp Thẻ bị mất.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thẻ mới, Chi cục Quản lý thị trường hoặc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước nơi công chức được cấp lại Thẻ làm việc có trách nhiệm giao Thẻ mới, thu lại Thẻ cũ của công chức được cấp Thẻ và tổ chức tiêu hủy Thẻ cũ theo hình thức cắt chéo 1/2 (một phần hai) Thẻ.

Việc giao nhận Thẻ mới và tiêu hủy Thẻ cũ phải được lập thành biên bản có chữ ký của công chức được cấp lại Thẻ, đại diện cơ quan, đơn vị giao nhận Thẻ. Biên bản được gửi về Sở Công Thương nơi công chức làm việc và Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước để báo cáo.

6. Thời hạn sử dụng ghi trên Thẻ không thay đổi khi thực hiện cấp lại Thẻ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ[12]

1. Hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gồm có:

a) Danh sách công chức bị kiến nghị thu hồi Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến các trường hợp bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước nơi công chức làm việc lập hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gửi người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Trường hợp công chức bị thu hồi Thẻ là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thì Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm lập hồ sơ kiến nghị thu hồi Thẻ gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

3. Trường hợp cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường không thực hiện kiến nghị thu hồi Thẻ theo quy định tại khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền thu hồi Thẻ quyết định thu hồi Thẻ khi có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị thu hồi Thẻ quy định tại khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền thu hồi Thẻ ban hành quyết định thu hồi Thẻ.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Thẻ, công chức bị thu hồi Thẻ có trách nhiệm nộp Thẻ về cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường nơi làm việc để thực hiện việc xử lý Thẻ theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Đối với Thẻ bị thu hồi, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường tiếp nhận Thẻ quy định tại khoản 5 Điều này tổ chức thực hiện việc tiêu hủy Thẻ bằng hình thức cắt chéo 1/2 (một phần hai) Thẻ. Việc tiêu hủy Thẻ bị thu hồi phải được lập thành biên bản có chữ ký của công chức bị thu hồi Thẻ, đại diện cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường tiếp nhận Thẻ bị thu hồi. Biên bản được gửi về Sở Công Thương nơi công chức làm việc và Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước để báo cáo.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tạm đình chỉ sử dụng Thẻ

1. Hồ sơ kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gồm có:

a) Danh sách công chức bị kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến các trường hợp bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2.[13] Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước nơi công chức làm việc lập

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

hồ sơ kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gửi người có thẩm quyền tạm đình chỉ sử dụng Thẻ xem xét, quyết định.

Trường hợp công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thì Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm lập hồ sơ kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

3.[14] Trường hợp cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường không thực hiện kiến nghị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo quy định tại khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ khi có căn cứ xác định các trường hợp công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

4.[15] Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền tạm đình chỉ sử dụng Thẻ ban hành quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ.

5.[16] Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ do người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này ban hành, công chức bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ có trách nhiệm nộp Thẻ về Chi cục Quản lý thị trường hoặc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước nơi công chức làm việc để lưu giữ, xử lý theo quy định.

6.[17] ***(được bãi bỏ).***

7. Thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ là thời gian từ khi phát hiện có vi phạm đến khi cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý vụ việc nhưng

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[17] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

không quá 02 tháng. Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 04 tháng kể từ ngày phát hiện vi phạm;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ bằng thời gian công chức bị tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ là 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực thi hành;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh Quản lý thị trường, thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ bằng thời gian chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật. Khi bị kết án bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật, Thẻ bị thu hồi theo quy định về thu hồi Thẻ quy định tại Điều 7 Thông tư này.

8. Khi hết thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ ghi trong quyết định của người có thẩm quyền, công chức được trả lại Thẻ nếu còn thời hạn sử dụng sau khi có quyết định trả lại Thẻ. Trường hợp Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng đã hết thời hạn sử dụng thì thực hiện theo thủ tục cấp lại Thẻ quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[18]

---

[18] Điều 7, Điều 8 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"***Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Số hiệu, biển hiệu của công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc cho đến thời điểm được Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước cấp số hiệu thay thế theo quy định tại Thông tư này.

2. Thẻ Kiểm tra thị trường được cấp cho công chức Quản lý thị trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà còn thời hạn hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên Thẻ Kiểm tra thị trường trong trường hợp thời hạn hiệu lực kết thúc trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Kế hoạch kiểm tra đã được ban hành, phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Đội Quản lý thị trường trực thuộc thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Kế hoạch

Điều 9. Trách nhiệm thi hành[19]

1. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm:

a) Kịp thời xem xét, tổng hợp danh sách, gửi hồ sơ đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ trong phạm vi được giao quản lý; bảo đảm tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ; kịp thời rà soát, đề nghị cấp Thẻ đối với công chức đáp ứng đủ điều kiện cấp Thẻ;

b) Thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ, lưu giữ và trả lại Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng khi hết thời hạn tạm đình chỉ sử dụng Thẻ; mở sổ theo dõi việc quản lý, cấp phát, cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi,

---

kiểm tra định kỳ năm 2025 thì Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra xem xét, quyết định theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

b) Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

c) Thông tư số 54/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

tạm đình chỉ sử dụng, trả lại Thẻ bị tạm đình chỉ sử dụng trong phạm vi đơn vị mình quản lý;

c) Theo dõi, kiểm tra việc bảo quản, sử dụng Thẻ của công chức thuộc đơn vị mình quản lý. Định kỳ 03 tháng một lần thực hiện kiểm tra Thẻ được cấp cho công chức thuộc đơn vị, báo cáo kết quả kiểm tra đến Sở Công Thương cấp trên trực tiếp và Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

d) Kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ khi phát hiện công chức Quản lý thị trường có hành vi vi phạm trong hoạt động công vụ, sử dụng Thẻ sai mục đích hoặc trong các trường hợp khác theo quy định;

đ) Thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển, điều động, phân công, bố trí công chức có Thẻ giữa các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật hoặc theo phân cấp, ủy quyền để đảm bảo phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường;

e) Thực hiện báo cáo Sở Công Thương, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về công tác quản lý, sử dụng Thẻ trong đơn vị mình quản lý theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Theo dõi, giám sát, kiểm tra Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc trong việc thực hiện công tác quản lý sử dụng Thẻ của công chức Quản lý thị trường thuộc đơn vị mình quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Kiến nghị, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương biện pháp quản lý Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định của pháp luật hoặc sửa đổi, bổ sung Thông tư này khi cần thiết.

3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công Thương trong việc thống nhất quản lý Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại Thông tư này;

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện lưu trữ hồ sơ cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

c) Theo dõi, giám sát, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư này và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương theo quy định;

d) Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư này với Bộ trưởng Bộ Công Thương khi cần thiết.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu mới quy định tại Thông tư này đối với công chức thuộc đơn vị mình quản lý về Tổng cục Quản lý thị trường.

2. Người có thẩm quyền cấp Thẻ phải thực hiện xong việc cấp lại Thẻ theo mẫu mới trước ngày 30 tháng 12 năm 2019. Trong thời gian chờ cấp lại Thẻ theo mẫu mới, Thẻ đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên Thẻ nhưng không quá ngày 30 tháng 12 năm 2019 và phải được thu hồi theo quy định.

3. Thẻ cấp lại theo mẫu mới có thời hạn sử dụng là 05 năm kể từ ngày được cấp lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 18/2016/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thẻ kiểm tra thị trường và sửa đổi, bổ sung nội dung một số mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (qua Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước[20]) để hướng dẫn, giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 33/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

[20] Cụm từ "Tổng cục Quản lý thị trường" được thay thế bởi cụm từ "Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước" theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC SỐ 1[21]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ CẤP LẦN ĐẦU THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG/CẤP LẠI THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

(Kèm theo Công văn số..... ngày……. tháng…….. năm…… của...)

STT	Họ và tên	Giới tính	Số hiệu công chức QLTT	Ngày tháng năm sinh	Tên ngạch công chức hiện giữ và mã số ngạch	Chức danh/ Tên ngạch công chức hiện tại	Tháng năm tuyển dụng		Thời hạn sử dụng của Thẻ hiện tại	Trình độ chuyên môn			Đã có chứng chỉ Bồi dưỡng	Ghi chú (Lý do đề nghị cấp lần đầu/cấp lại...)
							Vào QLTT (tháng năm)	Hình thức lao động		Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ	Quản lý nhà nước		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Đề nghị cấp lần đầu Thẻ Kiểm tra thị trường**													
1	Nguyễn Văn A	Nam	T01.QLTT012	03/11/1970	CVC-01.002	Cục trưởng	10/2012	BChế			CN Luật	CV	BDNV	Kèm QĐ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo
2	Phạm Thị B	Nữ	T01.QLTT015	05/11/1968	KSVTT-21.189	Đội trưởng	11/2012	BChế			CN Luật	CV	BDNV	Kèm QĐ bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo
II	**Đề nghị cấp lại Thẻ kiểm tra thị trường**													
1	Nguyễn Văn D	Nam	T01.QLTT029	06/11/1979	KSVTT-21.189	Kiểm soát viên TT	10/2011	BChế	31/10/2020		CN Luật	CV	BDNV	Thẻ hết hạn/ Nâng ngạch...
2	Lê Đức V	Nam	T01.QLTT033	08/11/1985	KSVTT-21.189	Phó Đội trưởng	8/2011	BChế	31/12/2020		CN Luật	CV	BDNV	Thẻ bị hỏng/ Mất

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

[21] Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường được thay thế bởi phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Ghi chú:

Cột số 2 và 4: Lập danh sách theo thứ tự tăng dần của số hiệu công chức (không lập theo đơn vị Phòng/Đội QLTT hoặc chức vụ).

Cột số 5: ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh.

Cột số 6: Ghi đầy đủ tên ngạch công chức, mã số ngạch công chức theo QĐ bổ nhiệm ngạch công chức hiện tại.

Cột số 7: Ghi chức danh lãnh đạo hiện tại đối với người đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo. Ghi ngạch công chức theo Quyết định bổ nhiệm ngạch hiện tại với người chưa được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo.

Cột 8: Ghi cụ thể tháng/năm được tuyển dụng theo Quyết định tuyển dụng làm công chức Quản lý thị trường.

Cột 10: Ghi đầy đủ ngày/tháng/năm là thời điểm hết hạn của Thẻ KTTT công chức đang được cấp, sử dụng (được ghi trên Thẻ KTTT).

Cột 14: Người có chứng chỉ Tiền công vụ QLTT thì ghi "TCV"; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT trước năm 2005 thì ghi "BDNV"; Người có Chứng chỉ BDNV Kiểm soát viên chính thị trường thì ghi KSVC; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch KSV thị trường ghi QLNN KSVTT; người có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch KSV chính thị trường ghi QLNN KSVCTT; các chứng chỉ khác ghi chung là BDNV...;

Cột 15: Ghi cụ thể lý do đề nghị cấp lại Thẻ; các ghi chú khác.

PHỤ LỤC SỐ 2[22]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN BAN HÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU CÔNG CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP LẦN ĐẦU/ CẤP LẠI THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG

Ảnh màu cỡ 3 x 4 đóng dấu giáp lai	- **Họ và tên** (chữ in hoa): NGUYỄN VĂN A - **Ngày/tháng/năm sinh:** - **Dân tộc:** - **Nam, nữ:** - **Số hiệu công chức QLTT**:... *(ví dụ: T22-QLTT008).* - **Đơn vị công tác hiện nay:**... *(Ghi cụ thể đơn vị cấp Đội QLTT số..., Chi cục QLTT tỉnh... hoặc Trưởng phòng/Phó trưởng phòng..... Phòng....., Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước).*

- Chức vụ lãnh đạo hiện nay:……. *theo Quyết định số……. của…… (Ghi đầy đủ các thông tin. Nếu chưa được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo thì gạch chéo).*

- Ngày được tuyển dụng vào cơ quan QLTT: *từ ngày / tháng / năm theo Quyết định số... ngày... tháng... năm ...của...*

- Ngạch công chức hiện giữ: *(KSVTT/KSVCTT/CVC...)*

Mã số ngạch công chức:..... *theo Quyết định số..... ngày/tháng/năm..... của... (ghi đầy đủ tên ngạch, mã số ngạch và nội dung khác theo quyết định về ngạch công chức hiện tại).*

---

[22] Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường được thay thế bởi phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

- Trình độ chuyên môn:

* Bằng 1:…….. (ghi cụ thể) * Bằng 2:…… (ghi cụ thể)

- Chứng chỉ Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ QLTT:……. *(BDNV, TCV... - Ghi đầy đủ tên loại Chứng chỉ, ngày tháng năm được cấp).*

I. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, KẾT QUẢ CÔNG TÁC

Tóm tắt công việc được giao; kết quả công tác kiểm tra, xử lý vi phạm; chấp hành chính sách pháp luật, quy chế công tác; tinh thần phối hợp, lối sống đạo đức; tinh thần, thái độ đối với các tổ chức và cá nhân kinh doanh; tinh thần học tập nâng cao trình độ; ý thức tổ chức kỷ luật…

…., ngày.... tháng... năm....
Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ và tên)

II. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Công chức *Nguyễn Văn A*... không trong thời gian bị thi hành kỷ luật; hiện giữ ngạch công chức……., mã số ngạch công chức.... và đã có Chứng chỉ…... *(BDNV, TCV, QLNN ngạch KSVTT... - Ghi đầy đủ tên loại Chứng chỉ)* theo quy định của Bộ Công Thương.

Đối chiếu với quy định của Thông tư số / /TT-BCT ngày... tháng... năm… của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường, công chức *Nguyễn Văn A*..... có đủ tiêu chuẩn để được cấp lần đầu/cấp lại Thẻ kiểm tra thị trường.

Đề nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương/Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước xét cấp Thẻ kiểm tra thị trường./.

……, ngày.... tháng... năm....
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 3[23]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH

DANH SÁCH
THU HỒI/KIẾN NGHỊ THU HỒI THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG (HOẶC) TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG/KIẾN NGHỊ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG/THẺ ĐÃ TIÊU HỦY

(Ban hành kèm theo Công văn số… ngày… tháng… năm… của...)

STT	Họ và tên	Số Thẻ	Được cấp lại Thẻ tại Quyết định số:.../QĐ-TTTN	Chưa/ không được cấp lại Thẻ	Lý do		Ghi chú
					Hết hạn SD	Khác (ghi cụ thể lý do)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I	**KIẾN NGHỊ THU HỒI THẺ**						
1	Nguyễn Văn A	T02-QLTT222					
II	**KIẾN NGHỊ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ**						
1	Nguyễn Văn B	T05-QLTT201					
III	**THẺ BỊ THU HỒI**						
1	Nguyễn Văn D	T05-QLTT201	QĐ số ../QĐ-… ngày/tháng/năm		Hết hạn		Thu hồi theo QĐ số ../QĐ-… ngày/tháng/năm của...
2	Nguyễn Văn C	T05-QLTT012				Chuyển công tác theo QĐ số ../QĐ-… ngày/tháng/năm của...	
IV	**THẺ BỊ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG**						
1	Nguyễn Văn G	T51-QLTT021					Tạm đình chỉ theo QĐ số ../QĐ-… ngày/tháng/năm của...
2	Nguyễn Văn H	T51-QLTT022				Bị kỷ luật cảnh cáo theo QĐ số ../QĐ-… ngày/tháng/năm của...	
V	**THẺ ĐÃ TIÊU HỦY:** tổng số… Thẻ						
1	Trần Văn G	T51-QLTT011	QĐ số …/QĐ-TTTN ngày…		X	(Do thay đổi nội dung ghi trên Thẻ)	Được cấp lại Thẻ
2	Trần Văn H	T51-QLTT026		X		Bị thu hồi	Bị thu hồi/Thẻ hết hạn (Chưa/không cấp lại)

[23] Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường được thay thế bởi phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Tổng số Thẻ gửi lại Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước là:… Thẻ.

……, ngày.... tháng... năm....
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Lập Danh sách theo thứ tự Quyết định cấp lại Thẻ.
Lập hết danh sách theo Quyết định số A rồi lập tiếp tới Quyết định số B.

PHỤ LỤC SỐ 4[24]
MẪU THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Mặt trước:

Mặt trước nền màu đỏ, chữ màu vàng; trên cùng là chữ "BỘ CÔNG THƯƠNG"; ở giữa là Quốc huy; phía dưới là dòng chữ "THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG".

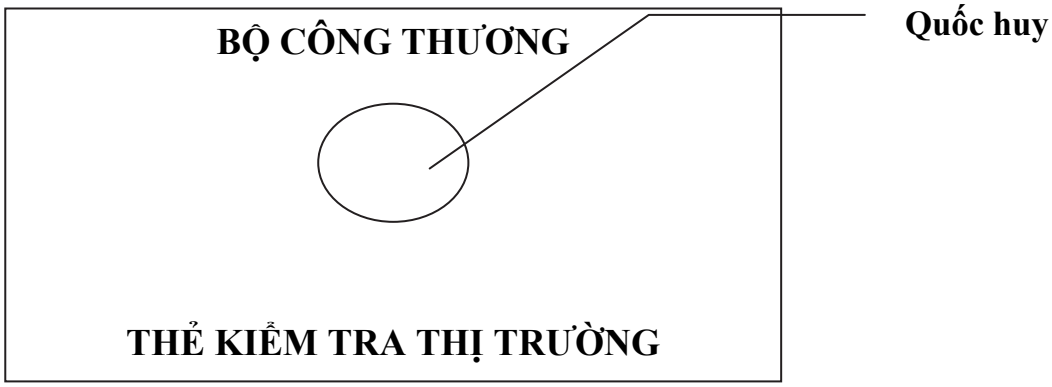

2. Mặt sau:

Mặt sau nền màu vàng nhạt; phía góc dưới bên phải có 02 vạch chéo màu đỏ đậm. Mặt sau có các thông tin như sau:

a) Phía bên trái, lần lượt từ trên xuống dưới ghi chữ màu đen bao gồm: số Thẻ là số hiệu công chức Quản lý thị trường; ảnh màu của người được cấp Thẻ cỡ 02 cm x 03 cm; có giá trị đến…/…/….;

b) Phía bên phải, lần lượt từ trên xuống dưới ghi dòng chữ màu đen:

BỘ CÔNG THƯƠNG

Họ và tên:

Chức danh: (ghi chức danh lãnh đạo của công chức được cấp Thẻ).

Đơn vị:

…, ngày... tháng... năm…

Chức danh của người ký

Chữ ký và dấu

---

[24] Phụ lục số 4 Mẫu thẻ kiểm tra thị trường ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường được thay thế bởi phụ lục số 4 Mẫu thẻ kiểm tra thị trường ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Họ và tên người ký.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số:

Ảnh màu
2x3

Họ và tên: ……..……

Chức danh:……

Đơn vị:……....……

…, ngày tháng năm
BỘ TRƯỞNG
(Chữ ký, con dấu)

Có giá trị đến:
dd/mm/yyyy

Họ và tên

PHỤ LỤC SỐ 5[25]
MẪU THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Mặt trước:

Mặt trước nền màu đỏ, chữ màu vàng; trên cùng là chữ "BỘ CÔNG THƯƠNG"; ở giữa là Quốc huy; phía dưới là dòng chữ "THẺ KIỂM TRA THỊ TRƯỜNG".

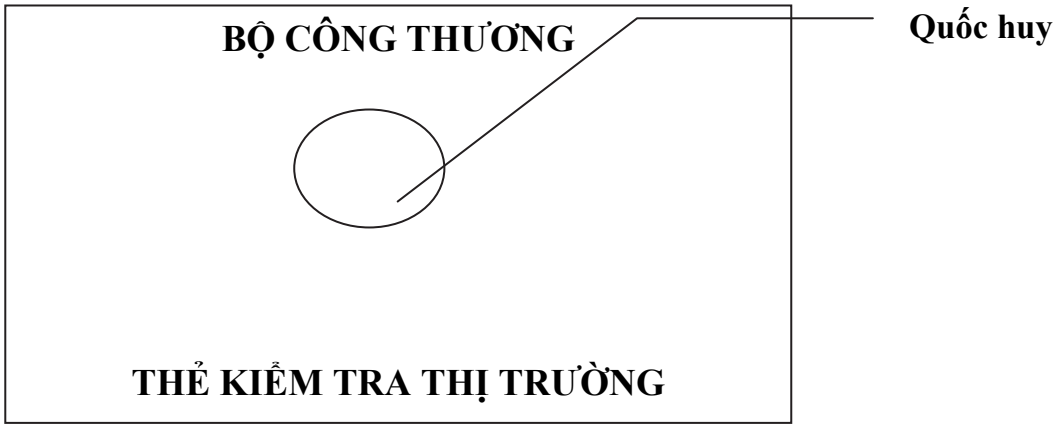

2. Mặt sau:

Mặt sau nền màu vàng nhạt; phía góc dưới bên phải có 02 vạch chéo màu đỏ đậm. Mặt sau có các thông tin như sau:

a) Phía bên trái, lần lượt từ trên xuống dưới ghi chữ màu đen bao gồm: số Thẻ là số hiệu công chức Quản lý thị trường; ảnh màu của người được cấp Thẻ cỡ 02 cm x 03 cm; có giá trị đến…/…/….;

b) Phía bên phải, lần lượt từ trên xuống dưới ghi dòng chữ màu đen:

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Họ và tên:

Chức danh: (ghi chức danh lãnh đạo đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo; ghi ngạch công chức đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo).

Đơn vị:

…, ngày… tháng… năm…

Chức danh của người ký;

---

[25] Phụ lục số 5 Mẫu thẻ kiểm tra thị trường ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường được thay thế bởi phụ lục số 5 Mẫu thẻ kiểm tra thị trường ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Chữ ký và dấu.
Họ và tên người ký.

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Số:

Ảnh màu
2x3

Họ và tên: ……..……

Chức danh: ……

Đơn vị: …….....……

…, ngày tháng năm
CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký, con dấu)

Có giá trị đến:
dd/mm/yyyy

Họ và tên